

Bản án số: 466/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình,
ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng,
chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 603/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim M, sinh năm: 2001

Cư trú: tổ 9, ấp VP, xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn S, sinh năm: 1992.

Cư trú: Khu dân cư ấp VL, xã VL1, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Phạm Thị Kim M trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông S là do M mới được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2019, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL1 vào ngày 27/5/2019. Sau khi kết hôn về chung sống tại ấp VL, xã VL1. Bà phụ giúp gia đình còn ông S thì làm thuê, thu nhập bấp bênh không đủ lo cho gia đình.

Sống chung với nhau đến khoảng hơn 02 tháng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là bà mang thai nên mất thu nhập, ông S thì không có trách nhiệm với vợ con, nên bà về nhà mẹ ruột sinh sống đến ngày sinh nở. Gia đình ông S không thăm hỏi, ông S không có trách nhiệm với vợ con. Từ khi sinh con đến nay đều do gia đình bà chăm lo, nhiều lần bà nói chuyện với ông S nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng cứ xảy ra tranh cãi đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà quyết định ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Thành T, sinh ngày 11/01/2020, hiện do bà M nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Khi cưới vợ chồng được cha mẹ chồng cho vàng cưới là 5,5 chỉ vàng 18kra và 5,5 chỉ vàng 24kra, hiện số vàng này do ông S đang quản lý, bà M yêu cầu được chia số tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hồ Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông và bà M đúng như lời bà M trình bày. Tuy nhiên vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông là con út nên phải chăm lo cho cha mẹ già, công việc thì bấp bênh đôi lúc không đủ lo cho cuộc sống. Khi bà M mang thai và sinh con lại càng thêm khó khăn nên vợ chồng đôi lúc có xảy ra cãi vã, bà M tức giận bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nhiều lần ông tìm đến nhà cha mẹ vợ nói chuyện, thăm vợ con và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bị ngăn cản. Nay ông nhận thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn, xin Tòa được hàn gắn.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà M. Tuy nhiên ông không có khả năng cấp dưỡng nếu bà M không đủ điều kiện nuôi dưỡng thì ông chấp nhận nuôi và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông thống nhất với số tài sản chung bà M trình bày. Hiện nay số tài sản chung không còn do ông đã bán chi tiêu riêng không có điều kiện trả lại, khi nào có ông sẽ gởi lại cho bà M sau.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Toà án đã thực hiện thủ tục về việc công khai, tiếp cận chứng cứ. Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ngày 03/11/2020, ông Phạm Văn Tr là cha ruột của bà M trình bày: Hôn nhân của ông S – bà M là do M mối, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 2019. Sau khi kết hôn cả hai về xã VL1 sinh sống, chung sống với nhau được vài tháng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, S nhiều lần đánh M trong lúc mang thai, tôi có nói chuyện và hàn gắn thì S hứa hẹn nhưng vẫn không thay đổi. Đến khi bà M mang thai được 6 tháng cần bồi bổ và tiền thăm khám thai thì ông S không lo được, nặng nề bà M nhiều chuyện. Nhận thấy không thể chung sống được nữa nên bà M quyết định về nhà mẹ đẻ sống.

Từ khi bà M sinh con đến nay đã được 10 tháng nhưng gia đình ông S không thăm hỏi, không thể hiện được trách nhiệm của người làm cha. Nhiều lần bà M muốn nộp đơn nhưng gia đình khuyên ngăn, đến khoảng 02 tháng nay ông S có tới lui thăm con nhưng mục đích là để chia cắt mẹ con bà M. Nhận thấy không thể hàn gắn được nữa nên khi bà M nộp đơn xin ly hôn, ông không ý kiến để bà M tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà M, ông S bảo lưu ý kiến.

Bà M xác định vàng cưới chỉ còn 4,5 chỉ vàng 18K và 5,5 chỉ vàng 24K. Yêu cầu chia đôi theo giá trị tài sản.

Ông S thống nhất với bà M về số vàng còn lại, đồng ý hoàn lại cho bà M $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Về con chung yêu cầu nuôi con, không đồng ý ly hôn, cấp dưỡng như bà M yêu cầu.

Các đương sự thống nhất giá vàng 18K là 4.000.000 đồng/chỉ, vàng 24K là 5.500.000 đồng/chỉ.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tiến hành tố tụng như: Xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục xét xử vắng mặt ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử ... được đảm bảo.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về giá trị vàng đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự về chia tài sản, bị đơn phải chịu án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng và chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông S hiện đang cư trú tại xã VL1, huyện An Phú. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[3.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông S mặc dù do M mời nhưng ông bà đồng ý tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình tố tụng, bà M không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, thời gian không chung sống là từ năm 2019 đến nay nhưng ông S và bà M đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông S không đồng ý ly hôn nhưng không nêu ra được giải pháp để đoàn tụ, ông cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho thấy khả năng đoàn tụ là không thể. Mâu thuẫn giữa bà M và ông S còn phù hợp với lời trình bày của ông Phạm Văn Tr là cha ruột của bà M. Xét thấy mâu thuẫn của bà M, ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M và ông S được ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà M và ông S có 01 con chung tên Hồ Thành T, sinh ngày 11/01/2020, hiện do bà M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, từ khi không còn chung sống đến nay, cháu T đều do bà M nuôi dạy. Ngoài ra, cháu T hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, căn cứ

khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đồng thời để đảm bảo điều kiện sống và phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu T cho bà M được nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà M yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại phần III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 quy định: "...Trong đó mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con". Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm xét xử mức lương tối thiểu Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng/tháng, đồng thời cháu T chưa đủ 18 tuổi nên theo yêu cầu bà M, ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung...dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung: Bà M và ông S thống nhất có số tài sản chung gồm 4,5 chỉ vàng 18kra và 5,5 chỉ vàng 24kra, hiện ông S đang quản lý.

Ông S và bà M thống nhất chia theo quy định pháp luật tuy nhiên theo trình bày của ông S hiện số vàng này không còn do ông đã bán chỉ tiêu riêng mà không có sự đồng ý của bà M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chia theo giá trị tài sản, tại thời điểm xét xử các đương sự thống nhất giá vàng 18kra là 4.000.000 đồng/chỉ; vàng 24 kra là 5.500.000 đồng/chỉ. Tổng giá trị là 48.250.000 đồng, mỗi người được hưởng là 24.125.000 đồng. Ông S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà M 24.125.000 đồng

[3.4] Về nợ chung: Bà M và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng và chia tài sản chung

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim M được ly hôn với ông Hồ Văn S.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã VL1, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà M được tiếp tục nuôi cháu Hồ Thành T, sinh ngày 11/01/2020. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm thực hiện cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Số tài sản chung gồm 4,5 chỉ vàng 18k và 5,5 chỉ vàng 24k, tổng giá trị là 48.250.000 đồng. Buộc ông Hồ Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền 24.125.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Phạm Thị Kim M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.206.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004803 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà M nộp bổ sung 906.125 đồng). Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.506.125 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2020), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã VL1, H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo